TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày: 09-01-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 457/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 799/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1958; địa chỉ: D H, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

(Giấy ủy quyền công chứng số 1069 ngày 04/3/2021 tại Văn phòng C1, thành phố T, tỉnh Long An)

Các bị đơn:

1. Ông Bùi Văn L1, sinh năm 1972.

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm: 1996; địa chỉ: A, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Hợp đồng ủy quyền công chứng số 1080 ngày 02/7/2022 tại Văn phòng C2, thành phố T, tỉnh Long An)

3. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1977.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Đ và bà H: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Đường T khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hùng M, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

(Ông L, ông T1, ông Đ, bà H và ông T2 có mặt, ông M và bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2020, ông Bùi Văn L1, ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay tiền của ông Nguyễn Văn T 02 lần, cụ thể:

Lần 1, vào ngày 22/9/2020, bà Nguyễn Thị Ngọc H vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng và thời gian vay là 10 ngày.

Lần 2, vào ngày 24/12/2020, bà H vay 146.000.000 đồng, lãi suất là 3.000đồng/01 ngày/1.000.000 đồng và thời hạn trả 01 tháng.

Dù ông T nhiều lần yêu cầu trả nợ vay nhưng ông L1, ông Đ1, bà H hứa hẹn và không trả cho ông T.

Ông T yêu cầu ông Đ1, bà H liên đới trả 250.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi theo mức lãi suất 1%, tính từ ngày 22/9/2020 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 12.500.000 đồng; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 262.500.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Ông T yêu cầu ông Đ1, bà H, ông L1, bà B (vợ ông L1) trả 146.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 1%, tính từ ngày 24/12/2020 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 2.920.000 đồng; tổng cộng nợ gốc và lãi là 148.920.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng L rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Lê Thị B do bà B không có tham gia vay mượn tài sản của ông T và yêu cầu ông Đ1, bà H liên đới trả 250.000.000 đồng tiền gốc và trả lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22/9/2020 đến ngày Tòa án xét xử

sơ thẩm; yêu cầu ông Đ1, bà H, ông L1 liên đới trả 146.000.000 đồng tiền gốc và trả lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 24/12/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Bùi Văn L1 và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Ông Lê Hùng M là người đại diện theo ủy quyền cho ông Bùi Văn L1 trong vụ kiện tranh chấp số tiền 9,5 tỷ đồng với bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn Đ.

Vào này 03/12/2020 tại Quán C3, thị xã K, có mặt ông Bùi Văn L1, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn Đ, ông Lê Hùng M, bà Tô Thị Diễm T3. Ông M đưa Biên nhận ngày 03/12/2020 được viết trước để ông L1 ký tên vào; cũng trong ngày này ông M và ông L1 ký giấy ủy quyền đại diện tham gia tố tụng tại Văn phòng C4; lợi dụng việc ký giấy ủy quyền ông M yêu cầu ông L1 ký vào giấy Biên nhận ngày 03/12/2020 chứ ông L1 không biết nội dung biên nhận.

Vào ngày 24/12/2020, tại Quán C3, thị xã K, có mặt ông L1, bà H, ông M, bà T3. Ông M viết Biên nhận tiền ghi ngày 24/12/2020 với nội dung: Ông Bùi Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 146.000.000 đồng rồi đưa ông L1, bà H ký tên vào, tại thời điểm ký Biên nhận ngày 24/12/2020 thì ông T không có mặt, không có ký tên vào biên nhận, cũng không giao tiền. Ông L1, H cũng không nhận số tiền 146.000.000 đồng của ông T.

Biên nhận ngày 24/12/2020 không thể hiện ông L1, bà H nhận tiền; là biên nhận khống, do ông Lê Hùng M lập. Thời điểm ông M lập biên nhận này, ông M là người đại diện theo ủy quyền cho ông L1 trong vụ kiện tranh chấp đòi tài sản với ông Đ, bà H được Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý, giải quyết nhưng chưa đưa ra xét xử. Ông M yêu cầu ông L1 đưa số tiền 146.000.000 đồng để ông M làm chi phí khiếu nại tại Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường để sớm đưa ra vụ án xét xử, nhưng ông L1 không có tiền nên ông M yêu cầu ông L1 ký vào biên nhận vay tiền khi nào thi hành án đòi nợ được sẽ trừ lại; thực chất ông M không có đưa tiền cho ông L1; ông T cũng không có đưa tiền cho ông L1 và ông M cũng không có khiếu nại đến Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường như ông M nói.

Do đó, ông L1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T và yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-ADBPKCCT ngày 17/3/2021 do việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị B trình bày: Bà B thống nhất với lời trình bày của ông Bùi Văn L1 và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn Đ với ông Lê Hùng M có thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý. Ông M là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Đ trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay với bà Phan Ngọc P, ông Lê Thanh Đ2 yêu cầu cho bà H 26 tỷ đồng.

Do đó, ngày 22/9/2020, tại Quán cà phê C, bà H, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Hùng M, bà Tô Thị Diễm T3 thỏa thuận: bà H ký biên nhận vay số tiền 250.000.000 đồng của ông T. Thực tế, ông T không có giao tiền cho bà H mà ông M, bà T3 nhận số tiền 250.000.000 đồng để làm chi phí hủy Bản án số 43/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường giữa bà Võ Thị Mỹ H1 và bà Phan Ngọc P. Bản án số 43/2020/DS-ST của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xác định bà Võ Thị Mỹ H1 được ưu tiên thanh toán khoản nợ vay đối với tài sản của bà P, ông Đ2 dù Bản án xác định bà Nguyễn Thị Ngọc H được thi hành án số tiền 26 tỷ đồng mà bà Phan Ngọc P vay được xử trước. Lợi dụng tình thế đó, ông M đã yêu cầu bà H chi trả cho chi phí hủy bản án nêu trên nhưng bà H không có tiền nên ông M, bà T3 đã yêu cầu bà H ký vào biên nhận nợ của ông T. Thực tế bà H không nhận số tiền 250.000.000 đồng từ ông T.

Vào ngày 01/10/2020, bà H có trả cho ông T 250.000.000 đồng tại quán C5, thành phố T là khoảng tiền trả nợ mà bà H ký để ông M nhận vào ngày 22/9/2020, do đó Giấy biên nhận chính do ông M giữ nên ngày 01/10 2020, bà H trả tiền cho ông T nhưng ông T không có đưa lại giấy nhận nợ. Bà T3 có mặt dẫn bà H đi trả tiền cho ông T. Bà T3 hẹn lấy giấy nợ từ ông M để giao trả lại cho bà H những đến nay không trả rồi ông T lấy giấy này đi khởi kiện vợ chồng bà.

Vào ngày 03/12/2020 cũng tại Quán C3 có bà H, ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, ông Lê Hùng M, bà Tô Thị Diễm T3. Ông M đã chuẩn bị biên nhận tiền từ trước ghi ngày 03/12/2020 để bà H ký và đây cũng là ngày ông M hẹn bà H, ông Đ, ông L1 ký giấy ủy quyền ủy quyền cho ông Trần D để thực hiện công việc ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03/12/2020 được công chứng tại Văn phòng C4, Biên nhận ghi ngày 13/8/2020 số tiền ghi 350.000.000 đồng là khoản tiền ông M thỏa thuận dùng số tiền này để đốc thúc Cơ quan thi hành án đưa ra thi hành sớm Quyết định số 52/2020/DS-ST ngày 12/8/2020. Số tiền này, ông M với bà T3 nói là sẽ ứng trước; khi thi hành án lấy được tiền sẽ trừ lại nhưng ông M với bà T3 tính lãi từ ngày 13/8/2020 đến ngày 27/9/2020 là 150 triệu đồng (tiền lãi 10.000 đồng/triệu/ngày của số tiền 350.000.000 đồng); tiếp đến ngày 25/11/2020 tiền lãi là 140.000.000 đồng (tiền lãi 7.000 đồng/triệu/ngày của số tiền 350.000.000 đồng).

Bà H không có nhận bất cứ khoản tiền nào theo biên nhận nợ. Lý do bà H và ông Đ ký vào biên nhận vào ngày 03/12/2020 để ông M xúc tiến thi hành án lấy lại tài sản của bà P, ông Đ2 giao cho bà H; ông D thực hiện một công việc theo giấy ủy quyền ngày 03/12/2020 được ký tại Văn phòng C4 về tranh chấp hợp đồng vay giữa vợ chồng bà H với bà Nguyễn Thị C chứ đó không phải là khoản tiền vay. Cho đến nay, ông M, ông D không tiếp tục thực hiện việc ủy quyền như đã thỏa thuận với vợ chồng ông, bà và cũng chưa thi hành án lấy tiền của bà P, ông Đ2. Do đó bà H đòi lại các giấy tờ biên nhận và ông M hứa ngày 16/01/2021 sẽ trả lại giấy nợ nhưng ông M chỉ trả giấy nợ bản photo. Nay ông M kiện đòi nợ vay là không đúng.

Vào ngày 24/12/2020 tại Quán cà phê C, thị xã K, bà H, ông Bùi Văn L1, ông Lê Hùng M, bà T3. Ông M viết biên nhận tiền với nội dung là bà H có vay

của ông Nguyễn Văn T số tiền 146.000.000 đồng rồi đưa bà H ký, nhưng khi ký Biên nhận ngày 24/12/2020 thì ông T không có mặt, không ký tên vào biên nhận, không giao tiền; bà H và ông L1 cũng không nhận tiền. Số tiền 146.000.000 đồng ông M nói dùng để làm chi phí cho vụ kiện 9,5 tỷ đồng của ông L1 kiện ông Đ, bà H vì Tòa án thụ lý nhưng không đưa ra giải quyết. Lợi dụng sự việc trên ông M nói nếu không kịp thời có quyết định của Tòa án thì bà Nguyễn Thị C có được bản án trước sẽ yêu cầu thi hành án hết tiền của bà H; bà H nghe sợ nên ông M yêu cầu ký vào Biên nhận tiền ngày 24/12/2020 vì thiếu hiểu biết, lo sợ nên bà H đã ký vào biên nhận chứ hoàn toàn không có nhận 146.000.000 đồng theo nội dung biên nhận từ người cho vay là ông T.

Bị đơn ông Bùi Văn Đ trình bày: Ông Đ thống nhất với ý kiến trình bày của bà H và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng M trình bày:

Khi bà H vay số tiền 250.000.000 đồng của ông T tại quán C5, thành phố T, tỉnh Long An, ông M là người chứng kiến sự việc, tiền do ông T đưa cho ông Đ, bà H vay; ông Đ, bà H nhận tiền; ông M không đại diện ủy quyền gì về việc hủy Bản án số 43/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường giữa bà Võ Thị Mỹ H1 với bà Phan Ngọc P.

Đối với biên nhận số tiền 146.000.000 đồng ngày 24/12/2020, việc giao nhận tiền giữa ông T với ông Đ, bà H1, ông L1; ông M không nhận gì cả. Ông M chỉ là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn L1 trong vụ kiện với bà H1, ông Đ. Ông M nhận ủy quyền của ông Bùi Văn L1 với số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này ông M chưa nhận của ông L1 và có giấy hợp đồng, giấy ủy quyền phô tô kèm theo.

Tất cả hai giấy vay tiền giữa ông T với ông Đ, ông L1, bà H1 là do bà H1 nhờ ông M viết hộ và chứng kiến.

Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý vụ án và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã căn cứ các Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật D1 sư năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với bà Lê Thị B về yêu cầu liên đới trả nợ vay theo Biên nhận ngày 24/12/2020.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu trả nợ vay theo Biên nhận ngày 22/9/2020.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu liên đới trả nợ vay theo Biên nhận ngày 24/12/2020.

Buộc ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc là 146.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.727.373 đồng; tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 183.727.373 đồng.

4. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là 9.186.369 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp 16.120.875 đồng tiền án phí sơ thẩm; khấu trừ tiền tạm ứng án án phí sơ thẩm là 6.505.400 đồng do ông T nộp theo Biên lai thu số 0009586 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Ông T phải nộp tiếp 9.615.475 đồng tiền án phí sơ thẩm còn thiếu.

6. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-ADBPKCCT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của người có nghĩa vụ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đ, ông L1 và bà H đều kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết các vấn đề có tranh chấp trong vụ án.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Văn L1 là ông Nguyễn Hữu T1 trình bày: Biên nhận số tiền 146.000.000 đồng được lập là biên nhận khống, ông L1 hoàn toàn không có nhận số tiền này. Đồng thời, việc áp dụng biện pháp

khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/202 là không đúng do giá trị tài sản bị áp dụng và nghĩa vụ của bị đơn không tương xứng. Giá trị quyền sử dụng các thửa đất 422 và 33 lớn hơn giá trị nghĩa vụ của các bị đơn phải thực hiện. Ngoài ra, thửa đất 422 còn là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông L1 và bà B. Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với bà B nên việc duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời ảnh hưởng quyền lợi của bà B. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ việc áp dụng biển pháp khẩn cấp tạm thời và sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Bùi Văn Đ là ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, đương sự thống nhất biên nhận tiền do ông M lập tại quán C3, thời điểm lập biên nhận không có mặt ông T và ông Đ. Điều này phù hợp với lời khai của bà H trình bày về việc chỉ giao dịch với ông M, không có liên hệ hay giao dịch gì với ông T và ông Đ cũng không có liên quan đến việc giao dịch giữa bà H và ông M. Bản chất sự việc bà H ký tên vào biên nhận để ông M lấy tiền làm dịch vụ pháp lý. Ông T là bạn của ông M và bà T3, việc nhận tiền nhằm mục đích giải quyết việc tranh chấp của bà H và thu hồi số tiền nợ trong giai đoạn thi hành án nhưng thực tế ông M không thực hiện theo thỏa thuận. Do bà H trình độ không cao, nhận thức còn hạn chế về pháp lý nên thay vì làm hợp đồng dịch vụ pháp lý bổ sung thì làm biên nhận. Thực tế ông M cũng không thực hiện được công việc thỏa thuận thì bà H ông L1 đòi lại biên nhận tiền nhưng ông M chỉ trả lại bản phô tô và trên bản phô tô không có chữ ký ông T. Điều này phù hợp logic sự việc và chứng minh không có việc vay mượn giữa các bên. Bà H đồng ý ký tên vì tin tưởng ông M, và nếu thực hiện được vụ việc thì giá trị tài sản nhận được lớn nên bà H đồng ý ký.

Về Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-APKCTT áp dụng đối với quyền sử dụng thửa đất 422 do ông L1 đứng tên và quyền sử dụng thửa đất 33 do ông Đ đứng tên là hai quyền sử dụng đất có giá trị lớn, trên thửa đất 33 là thửa đất ở tại nông thôn do mẹ ông Đ đang quản lý sử dụng. Khi cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không thực hiện xem xét thẩm định tại chỗ về chủ thực tế sử dụng đất. Đồng thời, giá trị tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời lớn hơn giá trị nghĩa vụ các bị đơn phải thực hiện và nghĩa vụ nộp đảm bảo không tương xứng. Đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ông Đ là chồng bà H, ông Đ không biết về việc giao dịch giữa các bên và việc bà H nhận tiền cũng không nhằm mục đích sử dụng trong gia đình nên không đồng ý cùng liên đới nghĩa vụ trả tiền với bà H và đề nghị hủy Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-APKCTT để đảm bảo quyền lợi cho ông Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

1/ Phía các bị đơn ông L1, bà H, ông Đ trình bày xác định giấy nhận nợ không phải là tiền vay, mà là tiền dịch vụ pháp lý là không có căn cứ. Biên nhận thể hiện nội dung vay tiền là để sản xuất vụ lúa đông xuân và có ghi rõ người vay,

người cho vay là ai. Những nội dung nại ra không có căn cứ chứng minh. Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa các bên đã thanh toán và giải quyết xong.

2/ Mục đích vay là sản xuất lúa đông xuân nên cấp sơ thẩm buộc ông Đ cùng liên đới với bà H thực hiện nghĩa vụ là phù hợp. Nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc bà B phải liên đới thực hiện nghĩa vụ vì bà B không lệ thuộc tài sản chung vợ chồng.

3/ Quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm, phía bị đơn đã khiếu nại việc áp dụng khẩn cấp tạm thời và được giải quyết bằng quyết định giải quyết khiếu nại nên tại phiên tòa phúc thẩm nại ra là không có căn cứ xem xét.

4/ Về biên nhận ngày 24/12: Đoạn ghi âm phía bị đơn nại ra tại cấp sơ thẩm đã được công bố tại phiên tòa, cấp sơ thẩm đã xem xét và xử lý phù hợp.

Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Xét thấy các đương sự thừa nhận Biên nhận ghi ngày 24/12/2020 do ông Lê Hùng M viết; ông T, bà H, ông L1 và ông M ký tên và ghi rõ họ và tên vào mặt sau của tờ biên nhận; theo nội dung của Biên nhận ngày 24/12/2020 thể hiện ông Đ, ông L1, bà H thỏa thuận vay của ông T 146.000.000đ, mục đích vay để làm ăn, thời hạn vay 01 tháng sẽ trả gốc và lãi, nhưng không ghi lãi suất.

Ông L1, bà H cho rằng ông M yêu cầu ông L1, bà H ký biên nhận vay số tiền 146.000.000đ của ông T để ông M nhận số tiền này làm chi phí khiếu nại vụ án giữa ông Bùi Văn L1 với ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H được giải quyết sớm và tại thời điểm ông, bà ký vào Biên nhận ngày 24/12/2020 thì ông T không có mặt, không ký tên vào biên nhận, không có giao tiền; bà H và ông L1 cũng không nhận tiền của ông T. Nhưng ông T không thừa nhận sự việc như ông L1, bà H trình bày và các bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ. Như vậy có căn cứ xác định rằng ông L1, bà H có vay của ông T 146.000.000đ.

Về yêu cầu trả lãi chậm trả: Theo Biên nhận ngày 24/12/2020 thì ông L1, bà H có nhận số tiền vay 146.000.000đ từ ông T nhưng đến hạn trả nợ tức là ngày 24/01/2021 ông L1, bà H không trả lại tiền vay nên phải có nghĩa vụ trả lại tiền gốc và khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất (0,83%/tháng) được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tính từ ngày 25/01/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 29/8/2023, tổng cộng là 02 năm 07 tháng 04 ngày là 37.727.373 đồng; tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 183.727.373 đồng.

Về nghĩa vụ liên đới: Ông Đ với bà H là vợ chồng có đăng ký kết hôn và đang sống chung nhà; tuy giao dịch tài sản số tiền 146.000.000đ ông Đ không có

tham gia nhưng mục đích vay là để phục vụ cho sản xuất chung của gia đình nên ông Đ phải có nghĩa vụ cùng với bà H trả nợ cho ông T là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của các bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường .

Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dungvụ án có liên quan đến kháng cáo

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng mặt, ông Lê Hùng M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[4] Bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T4.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Các đương sự đều thừa nhận Biên nhận ghi ngày 24/12/2020 do ông Lê Hùng M viết; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Bùi Văn L1 và ông Lê Hùng M ký tên, ghi rõ họ và tên vào mặt sau của tờ biên nhận; nội dung của Biên nhận ngày 24/12/2020 cho thấy ông Bùi Văn Đ, ông Bùi Văn L1, bà Nguyễn Thị Ngọc H thỏa thuận vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 146.000.000 đồng; mục đích vay để làm ăn, sản xuất vụ đông xuân; thời hạn vay 01 tháng sẽ trả gốc và lãi, nhưng không ghi lãi suất.

Biên nhận ghi ngày 22/9/2020 cũng do ông Lê Hùng M viết; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Hùng M ký tên và ghi rõ họ tên vào mặt sau của tờ biên nhận; nội dung Biên nhận ngày 22/9/2020 thì bà Nguyễn Thị Ngọc H thỏa thuận vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 250.000.000 đồng; thời hạn vay 10 ngày sẽ trả nợ; không ghi lãi suất.

Ông Lê Hùng M thừa nhận chỉ là người làm chứng và viết hộ 02 tờ giấy biên nhận ngày 24/12/2020 và ngày 22/9/2020; bà Tô Thị Diễm T3 thừa nhận chỉ là người chứng kiến sự việc giao dịch tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn và không có liên quan gì đến việc thỏa thuận vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn.

[5.2] Ông L1, bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết tên Bùi Văn L1, Nguyễn Thị Ngọc H trên mặt sau của tờ Biên nhận ngày 24/12/2020 là do ông, bà ký và viết ra, nhưng cho rằng ông M yêu cầu ông L1, bà H ký biên nhận vay số tiền 146.000.000 đồng của ông T để ông M nhận làm dịch vụ pháp lý nhưng không được ông L là người đại diện cho ông T thừa nhận. Biên nhận thể hiện nội dung vay tiền là để sản xuất vụ lúa đông xuân và có ghi rõ người vay, người cho vay. Phía bị đơn không cung cấp được căn cứ chứng minh sự nhầm lẫn cũng như sự thiếu hiểu biết của các bị đơn, kể cả việc ông M ghi biên nhận khống. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cũng không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới.

Về việc áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời tại cấp sơ thẩm, phía bị đơn đã khiếu nại việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và được giải quyết bằng quyết định giải quyết khiếu nại nhưng không được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bên phía bị đơn tiếp tục yêu cầu nên không có căn cứ xem xét.

[5.3] Về nghĩa vụ liên đới: Ông Đ với bà H là vợ chồng có đăng ký kết hôn và đang sống chung nhà; tuy giao dịch tài sản số tiền 146.000.000 đồng ông Đ không có tham gia nhưng mục đích vay là để phục vụ cho sản xuất chung của gia đình nên ông Đ phải có nghĩa vụ cùng với bà H trả nợ cho ông T là phù hợp như cấp sơ thẩm và Viện kiểm sát nhận định.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo cáo của bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường .

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với bà Lê Thị B về yêu cầu liên đới trả nợ vay theo Biên nhận ngày 24/12/2020.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu trả nợ vay theo Biên nhận ngày 22/9/2020.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu liên đới trả nợ vay theo Biên nhận ngày 24/12/2020.

Buộc ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc là 146.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 37.727.373 đồng; tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 183.727.373 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Văn L1, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là 9.186.369 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp 16.120.875 đồng tiền án phí sơ thẩm; khấu trừ tiền tạm ứng án án phí sơ thẩm là 6.505.400 đồng do ông T nộp theo Biên lai thu số 0009586 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Ông T phải nộp tiếp 9.615.475 đồng tiền án phí sơ thẩm.

5. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-ADBPKCCT ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của người có nghĩa vụ.

6. Về án phí phúc thẩm:

Ông Bùi Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000232 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000234 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Ông Bùi Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000233 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An
- TAND thị xã Kiến Tường;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- CCTHADS thị xã Kiến Tường;
- Đương sự
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những